

Số: /QĐ-UBND

Thuận Nam, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt về quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt,

quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Nam;

Căn cứ Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2012 của UBND huyện Thuận Nam về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam;

Căn cứ Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy số 612-TB/HU ngày 31/10/2022 đối với Đồ án điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam;

Theo Văn bản số 3039/SXD-QLQHKT&NƠ ngày 16/9/2022 của Sở Xây dựng về việc ý kiến đối với Đồ án điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện Thuận Nam về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 471/TTr-PKTHT ngày 22 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, với các nội dung sau:

1. Tên gọi: Đồ án điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

2. Địa điểm: Xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

3. Tổ chức lập quy hoạch: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thuận Nam.

4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Viện Đô thị Thông minh.

5. Nguồn kinh phí lập quy hoạch: Theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Thuận Nam về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022 cho các cơ quan đơn vị để thực hiện nhiệm vụ phát sinh (đợt 4).

6. Lý do và sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch:

Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đã được UBND huyện Thuận Nam phê duyệt tại Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2012. Hiện nay, qua hơn 10 năm kể từ thời điểm phê duyệt đồ án, một số định hướng phát triển của tỉnh Ninh Thuận nói chung và huyện Thuận Nam nói riêng đã có nhiều thay đổi lớn. Xã Phước Minh hiện nay có các dự án động lực thúc đẩy phát triển xã hội như: Tuyến đường nối cao tốc

Bắc Nam, các dự án nhà máy điện gió, dự án năng lượng mặt trời, các dự án khu, cụm công nghiệp và các điểm dân cư nông thôn đã và đang được triển khai đầu tư xây dựng.

Việc lập đồ án điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Ninh Thuận là hết sức cần thiết và cấp bách nhằm khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong công tác quản lý hiện nay, phù hợp với yêu cầu, mục tiêu phát triển mới và cụ thể hóa các đồ án quy hoạch chi tiết, các dự án đầu tư xây dựng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, tạo cơ sở pháp lý phục vụ cho công tác quản lý đầu tư xây dựng, đất đai và phát triển xã Phước Minh, từng bước tạo lập bộ mặt mới của xã nói riêng và toàn huyện nói chung.

7. Mục tiêu của đồ án

- Rà soát và điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn mới xã Phước Minh nhằm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện đến năm 2030, phù hợp định hướng phát triển tổng thể của huyện Thuận Nam nói riêng và tỉnh Ninh Thuận nói chung. Nhìn nhận toàn diện về tiềm năng, thế mạnh, môi tác động tương hỗ trong toàn vùng để đề xuất chiến lược phát triển và định hướng sử dụng đất cho khu vực.

- Xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển không gian, cơ sở hạ tầng, tạo lập môi trường sống thích hợp, có xét tới cân đối hài hòa giữa việc mở rộng xây dựng nông thôn mới và hài hòa với điều kiện cảnh quan tự nhiên khu vực.

- Đề xuất giải pháp định hướng phát triển hợp lý, hiệu quả, tạo động lực thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng, tạo đà thúc đẩy quá trình phát triển xã Phước Minh.

- Làm cơ sở pháp lý cho các công tác quản lý xây dựng, tạo cơ hội thuận lợi cho các chương trình phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo phát triển bền vững lâu dài.

8. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

a) Vị trí, ranh giới quy hoạch: Khu vực nghiên cứu xã Phước Minh thuộc huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, có quy mô 7.766,87 ha (Theo số liệu thống kê đất đai năm 2021), ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp: xã Phước Dinh;
- Phía Tây giáp: xã Nhị Hà;
- Phía Nam giáp: xã Cà Ná, xã Phước Diêm và tỉnh Bình Thuận;
- Phía Bắc giáp: xã Phước Ninh và xã Phước Nam.

b) Quy mô lập quy hoạch:

- Tổng diện tích lập quy hoạch: 7.766,87 ha.
- Dân số hiện trạng năm 2021: 3.766 người.

9. Tính chất – quy mô dân số dự báo

a) Tính chất

Là xã nông thôn mới hướng đến là một trong những xã trọng điểm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam của tỉnh

b) Dự báo quy mô dân số

- Dân số năm 2021: Khoảng 3.766 người (theo niên giám thống kê huyện Thuận Nam năm 2021).

- Dự báo: Dân số tăng tự nhiên đến năm 2025, khoảng 3.918 người; tỷ lệ tăng tự nhiên 1%. Dân số tăng cơ học đến năm 2025 khoảng 2.382 người.

- Dự báo: dân số tăng tự nhiên đến năm 2030, khoảng 4.118 người; tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1%. Dân số tăng cơ học đến năm 2030 khoảng 8.100 người.

Cơ sở tính toán và dự báo dân số, lao động xã hội dựa theo tỷ lệ tăng tự nhiên và cơ học, các tác động từ bên ngoài, tình hình phát triển kinh tế xã hội. Theo đó, căn cứ đồ án quy hoạch chung đô thị Cà Ná được phê duyệt theo quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 31/12/2018, định hướng đến 2030 xã Phước Minh có lượng lao động mới đến từ khu công nghiệp Cà Ná, tập trung chủ yếu ở các đơn vị ở ĐVO-7.2, ĐVO-8, ĐVO-9.1 thôn Lạc Tiến dẫn đến dân số tăng cơ học đến năm 2025 khoảng 2.382 người, đến 2030 khoảng 8.100 người.

Bảng dự báo quy mô dân số toàn xã Phước Minh

STT	Chỉ tiêu theo từng giai đoạn	Dân số hiện trạng năm 2021	Dân số năm 2025	Dân số năm 2030
1	Dân số	3.766	6.300	12.218
2	Dân số tăng tự nhiên		3.918	4.118
3	Dân số tăng cơ học		2.382	8.100

10. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

a) Cơ cấu tổ chức không gian toàn xã

Căn cứ quỹ đất hiện có của địa phương, kế thừa hiện trạng các công trình công cộng hiện có và tổ chức không gian toàn xã phù hợp với mục đích sinh hoạt và sản xuất của địa phương; đồng thời khai thác tuyến đường Quốc lộ 1A, tuyến đường nối cao tốc Bắc Nam và tuyến đường nối khu công nghiệp Cà Ná – khu Trung Tâm hành chính huyện. Trên cơ sở đó hình thành không gian các khu chức năng như sau:

- Không gian ở kết hợp phát triển thương mại dịch vụ hỗn hợp, tập trung tại khu vực dọc hai bên tuyến quốc lộ 1A.

- Công nghiệp: Một phần khu công nghiệp Phước Nam ở phía Bắc và khu công nghiệp Cà Ná ở phía Nam. Các cụm công nghiệp: CCN chế biến thủy sản,

CCN Phước Minh 1, CCN Phước Minh 2, CCN Phước Minh 3 và một phần CCN Phước Nam 5.

- Nông nghiệp: Định hướng hình thành khu chăn nuôi tập trung và trồng cây lâu năm tại khu vực phía Tây Nam của xã; thu hẹp diện tích phía Đông của đồng muối Quán Thẻ để sử dụng quỹ đất nhằm phát triển năng lượng tái tạo.

- Thương mại – dịch vụ hỗn hợp: Phát triển dọc theo tuyến đường nối cao tốc Bắc Nam với và tuyến đường nối khu công nghiệp Cà Ná – khu công nghiệp Bắc Nam.

- Đất năng lượng phát triển và mở rộng theo quy mô của từng dự án.

b) Định hướng tổ chức hệ thống điểm dân cư

- Cải tạo chỉnh trang 04 điểm dân cư hiện có.

- Đất ở thôn Quán Thẻ 1 phát triển mở rộng về hướng Tây với tổng diện tích phân mở rộng khoảng 31,68ha.

- Thôn Quán Thẻ 2, thôn Quán Thẻ 3 không phát triển mở rộng đất ở.

- Đất ở thôn Lạc Tiến mở rộng về phía Tây Nam, phần tiếp giáp với xã Cà Ná với tổng diện tích khoảng 68,18ha.

- Diện tích đất ở hiện trạng khoảng 64,81ha. Diện tích đất ở đến năm 2030 khoảng 197,43 ha

c) Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng

- Đến nay xã Phước Minh đã phát triển tương đối đầy đủ các hạng mục công trình phục vụ các cụm dân cư theo đồ án Quy hoạch nông thôn mới xã Phước Minh đã được phê duyệt vào năm 2012. Diện tích đất các hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu mở rộng xây dựng. Trong thời gian tới, tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện, bảo trì các công trình đã và đang hoạt động.

- Xây dựng mới khu Thể dục thể thao trung tâm xã trên diện tích đất quy hoạch khu trung tâm xã. Diện tích đất quy hoạch 13.909,74m²; Mật độ xây dựng tối đa: 45%. Chiều cao công trình: 1-2 tầng. Đồng thời xây mới khu tập luyện thể dục thể thao phục vụ cho thôn Lạc Tiến.

- Xây dựng công trình nhà sinh hoạt cộng đồng, kết hợp sân tập thể thao cho người dân thôn Quán Thẻ 3, diện tích đất khoảng 1.000m²; mật độ xây dựng tối đa 40%. Chiều cao công trình: 1 – 2 tầng.

d) Định hướng tổ chức hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông: Xây mới tuyến nối cao tốc Bắc Nam và tuyến đường nối Khu công nghiệp Cà Ná – Khu Trung tâm hành chính huyện. Nâng cấp các tuyến đường liên thôn. Mở rộng các tuyến đường chính thôn xóm, hình thành các bãi đỗ xe, điểm quay tránh xe trong thôn xóm.

- Chuẩn bị kỹ thuật

+ Thoát nước mặt: Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư, phù hợp với tiêu thoát thủy lợi. Cải tạo, liên thông hệ thống ao hồ, kênh mương tiêu nội đồng với hệ thống tiêu thoát nước mặt, thoát lũ toàn xã.

+ Nền xây dựng: Đối với khu vực cải tạo xây dựng, khi xây dựng trong các khu dân cư tôn trọng cao độ nền hiện trạng, bảo đảm hài hòa với khu vực đã xây dựng, chỉ san ủi cục bộ khi hình thành các tuyến giao thông nội bộ, tạo độ dốc hợp lý để phục vụ giao thông và thoát nước mặt; Đối với khu vực xây mới và các khu vực dự kiến xây dựng mới cần lưu ý san nền phù hợp với địa hình tự nhiên, hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên. Cao độ nền công trình cần cao hơn cao độ của đường từ 0,3 - 0,5m.

- Hệ thống cấp điện: Hệ thống cấp điện trên địa bàn sẽ sử dụng hệ thống dây dẫn đi nổi trên cột và sử dụng hệ thống trạm treo trên cột.

- Hệ thống cấp nước: Cấp nước tập trung sử dụng nguồn nước máy từ nhà máy nước Phước Dân hiện hữu và nhà máy nước Cà Ná – Phước Nam.

- Hệ thống thoát nước thải: Nước thải xử lý cục bộ tại hộ gia đình, cụm dân cư nhỏ bằng bể tự hoại hợp quy cách trước khi xả ra môi trường.

11. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất xã Phước Minh đến năm 2030

Stt	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất nông nghiệp	4.333,10	55,79
I	Vùng nông nghiệp	1.567,14	20,18
1	Đất làm muối	986,55	12,70
2	Đất trồng cây hằng năm khác	282,43	3,64
3	Đất trồng cây lâu năm	298,16	3,84
Ii	Vùng lâm nghiệp	2.765,96	35,61
4	Đất rừng phòng hộ	2.765,96	35,61
B	Đất xây dựng	3.216,04	41,41
5	Đất ở nông thôn	197,59	2,54
6	Đất thương mại dịch vụ	29,76	0,38
7	Đất giáo dục	5,27	0,07
8	Đất công cộng	15,50	0,20
9	Đất hỗn hợp	250,45	3,22
10	Đất công nghiệp - năng lượng	2.458,99	31,66
	Đất khu công nghiệp	85,31	1,10
	Đất cụm công nghiệp	362,01	4,66
	Đất khai thác vật liệu xây dựng – khoáng sản	84,49	1,09
	Đất công trình năng lượng	1.927,18	24,81
11	Đất cơ quan	1,86	0,02
12	Đất quốc phòng	51,91	0,67
13	Đất giao thông	191,99	2,47
	Đường bộ (QL1a, đường nối cao tốc, đh53...)	183,59	2,36

	Đường sắt	8,40	0,11
14	Đất cây xanh cách ly	12,73	0,16
C	Đất khác	217,73	2,80
15	Mặt nước chuyên dùng & kênh rạch	81,55	1,05
16	Đất công trình thủy lợi	40,05	0,52
17	Đất nghĩa trang	12,19	0,16
18	Đất chưa sử dụng	83,94	1,08
Tổng		7.766,87	100

Bảng so sánh sử dụng đất xã Phước Minh đến năm 2030 so với QH NTM xã Phước Minh đã được phê duyệt năm 2012

Stt	Mục đích sử dụng đất	Quy hoạch điều chỉnh		Quy hoạch được phê duyệt năm 2012	Chênh lệch
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Diện tích (ha)
A	Đất nông nghiệp	4.333,10	55,79	7.016,11	-2.683,01
I	Vùng nông nghiệp	1.567,14	20,18	4.570,42	-3.003,28
1	Đất làm muối	986,55	12,70	2.541,22	-1.554,67
2	Đất trồng cây hàng năm khác	282,43	3,64	1.239,28	-956,85
3	Đất trồng cây lâu năm	298,16	3,84	655,49	-357,33
4	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	134,43	-134,43
li	Vùng lâm nghiệp	2.765,96	35,61	2.445,69	320,27
5	Đất rừng phòng hộ	2.765,96	35,61	2.445,69	320,27
B	Đất xây dựng	3.216,04	41,41	604,23	2.611,81
6	Đất ở nông thôn	197,59	2,54	27,30	170,29
7	Đất thương mại dịch vụ	29,76	0,36	48,94	-19,18
8	Đất giáo dục	5,27	0,07		5,27
9	Đất công cộng	15,50	0,20		15,50
10	Đất hỗn hợp	250,45	3,25		250,45
11	Đất công nghiệp - năng lượng	2.458,99	31,66	235,72	2.223,27
11.1	Đất khu công nghiệp	85,31	1,10	93,30	-7,99
11.2	Đất cụm công nghiệp	362,01	4,66		362,01
11.3	Đất công nghiệp khoáng sản	84,49	1,09	142,42	-57,93
11.4	Đất công trình năng lượng	1.927,18	24,81		1.927,18
12	Đất phi nông nghiệp khác	0,00	0,00	284,83	-284,83
13	Đất cơ quan	1,86	0,02	5,44	-3,58
14	Đất quốc phòng	51,91	0,67		51,91
15	Đất giao thông	191,99	2,47		191,99
15.1	Đường bộ (ql 1a, đường nối cao tốc, đh53...)	183,59	2,36		183,59
15.2	Đường sắt	8,40	0,11		8,40
16	Đất cây xanh cách ly	12,73	0,16		12,73

17	Đất chôn lấp rác thải	0,00	0,00	2,00	-2,00
C	Đất khác	217,73	2,80	147,71	70,02
18	Đất kênh rạch & mặt nước chuyên dùng	81,55	1,05	48,59	32,96
19	Đất công trình thủy lợi	40,05	0,52	20,84	19,21
20	Đất nghĩa trang	12,19	0,16	3,26	8,93
21	Đất chưa sử dụng	83,94	1,08	75,02	8,92
	Tổng	7.766,87	100	7.768,05	-1,18

12. Quy hoạch sản xuất

a) Quy hoạch sản xuất nông nghiệp

- Duy trì đàn bò, dê, cừu hiện có; chăn nuôi theo hướng chất lượng, làm tốt công tác phòng dịch trên đàn gia súc; Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học – công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi; Hình thành chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực, đặc thù địa phương; ứng dụng tưới nước tiết kiệm, phát triển mô hình chăn nuôi kết hợp bảo vệ rừng có sự tham gia của người dân; tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm toàn xã hội về công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Khu vực đất nông nghiệp phía Tây Nam xã định hướng thành khu chăn nuôi tập trung và trồng cây lâu năm, diện tích khoảng 213,73 ha.

b) Quy hoạch sản xuất năng lượng, công nghiệp, thương mại dịch vụ, hỗn hợp

- Vùng phát triển công nghiệp tập trung ở phía Đông và Đông Bắc của xã, bao gồm: Một phần khu công nghiệp Phước Nam, một phần khu công nghiệp Cà Ná, Cụm công nghiệp Phước Minh 1, Cụm công nghiệp Phước Minh 2, Cụm công nghiệp Phước Minh 3, một phần Cụm công nghiệp Phước Nam 5 và Cụm công nghiệp chế biến thủy sản.

- Vùng phát triển năng lượng tái tạo: Tập trung tại khu vực phía Tây, phía Bắc và một phần phía Đông Quốc lộ 1A với các dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió hiện hữu.

- Vùng phát triển hỗn hợp: Tập trung dọc theo tuyến Quốc lộ 1A và tuyến nối cao tốc Bắc Nam – Cảng với tổng hợp Cà Ná. Chủ yếu là phát triển các loại hình dịch vụ hậu cần sản xuất, các dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp, phi nông nghiệp khác.

- Vùng phát triển thương mại dịch vụ: Tập trung tại phía Tây Bắc thôn Quán Thẻ 1, dọc theo Quốc lộ 1A và theo tuyến đường nối KCN Cà Ná – KCN Phước Nam

13. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Các nội dung về Quy hoạch hệ thống giao thông; Chuẩn bị kỹ thuật; Cấp nước; Cấp điện; Mạng lưới thông tin liên lạc; Thoát nước và thoát nước thải; Quản lý chất thải rắn; Quy hoạch nghĩa trang và các nội dung liên quan khác được thể hiện cụ thể trong Thuyết minh, Hồ sơ bản vẽ đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới do Viện Đô thị Thông

minh lập và Báo cáo thẩm định đồ án quy hoạch của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thuận Nam.

14. Hồ sơ sản phẩm: Thành phần, số lượng, nội dung hồ sơ đồ án thực hiện theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

15. Dự toán kinh phí lập quy hoạch điều chỉnh

- Tổng dự toán chi phí lập quy hoạch điều chỉnh: **243.437.640** đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng)

- Nguồn kinh phí: **Vốn Ngân sách nhà nước.**

(Đính kèm bảng tổng hợp kinh phí).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ủy ban nhân dân xã Phước Minh theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện theo đúng nội dung đồ án đã được phê duyệt; tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch này đến cấp ủy Đảng, các ngành đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân trong xã được biết, thực hiện.

2. Chủ tịch UBND xã Phước Minh chịu trách nhiệm về công tác quản lý và thực hiện quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Các Phòng: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm cập nhật Đồ án điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện và các quy hoạch khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện, Trưởng các Phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Lao động- Thương binh và Xã hội, Văn hóa và Thông tin, Chủ tịch UBND xã Phước Minh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: XD; TNMT; GTVT (b/cáo)
- NNPTNT, Công Thương;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Xuân Vỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM**

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ LẬP QUY HOẠCH

**Điều chỉnh Quy hoạch Nông thôn mới xã Phước Minh, huyện Thuận Nam,
tỉnh Ninh Thuận**

Áp dụng Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. Định mức chi phí xác định tại Bảng số 09, Phụ lục số 01 như sau:

- Quy mô dân số lập quy hoạch chung xây dựng xã: < 5.000 người.
- Định mức chi phí lập Đồ án Quy hoạch sau khi nội suy: $A = 155.520.000$ đồng.
- Định mức chi phí lập Nhiệm vụ Quy hoạch sau khi nội suy: $B = 21.930.000$ đồng.

STT	Nội dung hạng mục	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí lập đồ án	Gđa	a+b	195.195.000
1	Chi phí lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch sau thuế	a	$A*1,1$	171.072.000
2	Chi phí lập Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sau thuế	b	$B*1,1$	24.123.000
II	Chi phí khác	Gk	c+...+h	48.242.640
1	Chi phí thẩm định Đồ án quy hoạch	c	$A*12,3\%$	19.128.960
2	Chi phí thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch	d	$B*20\%$	4.386.000
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	e	$A*10,6\%$	16.485.120
4	Chi phí panô công bố quy hoạch sau thuế (tạm tính)	g	$A*3%*1,1$	5.132.160
5	Chi phí lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư	h	$A*2\%$	3.110.400
III	Tổng chi phí lập quy hoạch	Gqh	Gđa+Gk	243.437.640

(Bảng chữ: Hai trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng)